

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 01 – 2019

V/v “Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Kha
2. Bà Trần Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1002/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm: 1991. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 747, khóm M, phường M, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1986. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 327, khóm M, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn, bị đơn và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn M trình bày quan điểm và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Anh, chị xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau từ ngày 17/3/2017, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống, anh, chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, tài chính giữa vợ chồng không minh bạch, vợ chồng không quan tâm nhau. Cha mẹ hai bên có hòa giải cho anh, chị nhưng không đạt kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục được nên anh, chị đã ly thân từ cách đây khoảng 01 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung

sống và duy trì mối quan hệ vợ chồng nên anh, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn với nhau.

- Về con chung: Anh, chị xác định có 01 người con tên Nguyễn Kiều Thảo N, sinh ngày 11/01/2018, đang sống chung với chị K. Chị K và anh M thỏa thuận thống nhất tiếp tục giao con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị K và anh M xác định anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị K và anh M xác định anh, chị không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh M không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn M có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3/2017, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh, chị đã vi phạm về việc đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, việc kết hôn của chị K và anh M là không thỏa mãn về mặt hình thức, không có giá trị pháp lý.

Thời gian chung sống, chị K và anh M xác định luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, tài chính giữa vợ chồng không minh bạch, vợ chồng không quan tâm, không tin tưởng nhau, không còn tình cảm dành cho nhau, hiện đã ly thân 01 năm nhưng không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Nay chị K và anh M yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau.

Xét mâu thuẫn thực tế của chị K và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của anh, chị hiện tại không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời hôn nhân của chị K và anh M có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Anh, chị xác định có 01 người con chung tên Nguyễn Kiều Thảo N, sinh ngày 11/01/2018, đang sống chung với chị K. Chị K và anh M thỏa thuận thống nhất tiếp tục giao con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận của chị K và anh M là tự nguyện và hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị K và anh M xác định anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị K và anh M xác định anh, chị không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị K và anh M có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn M.

2 - Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị K và anh M, giao cháu Nguyễn Kiều Thảo N, sinh ngày 11/01/2018, đang sống chung với chị K, cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Anh M không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Chị K và anh M xác định anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4 - Về nợ chung: Chị K và anh M xác định anh, chị không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị K phải chịu 300.000đ. Ngày 04 tháng 12 năm 2018, chị K đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (biên lai số 0001680) được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị K và anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.Cà Mau;
- THADS Tp.Cà Mau;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hân